

Chuyên đề: Học các bộ phận cơ thể (Parts of the Body) qua bài hát

Chào các em học sinh lớp 2! Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau học một chủ đề rất thú vị trong tiếng Anh, đó là các bộ phận trên cơ thể người. Để bài học thêm vui nhộn và dễ nhớ, chúng ta sẽ học qua bài hát "Head, Shoulders, Knees and Toes" mà chắc hẳn nhiều bạn đã từng nghe qua. Nào, chúng ta cùng bắt đầu nhé!

1. Từ vựng về các bộ phận cơ thể (Vocabulary: Parts of the Body)

Trước tiên, chúng mình hãy cùng làm quen với tên gọi tiếng Anh của các bộ phận cơ thể nhé. Các em hãy đọc to theo cô/thầy nào!

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm (Pronunciation)	Nghĩa tiếng Việt	Câu ví dụ (Example)
head	/hed/	cái đầu	This is my head.
shoulder	/'ʃoʊldər/	vai	I have two shoulders.
knee	/ni:/	đầu gối	Touch your knee.
toe	/toʊ/	ngón chân	I have ten toes.
eye	/aɪ/	mắt	I can see with my eyes.
ear	/ɪr/	tai	I can hear with my ears.
mouth	/maʊθ/	miệng	This is my mouth.
nose	/noʊz/	mũi	I can smell with my nose.
arm	/ɑ:rm/	cánh tay	I have two arms.
hand	/hænd/	bàn tay	Clap your hands!
finger	/'fɪŋgər/	ngón tay	I have ten fingers.

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm (Pronunciation)	Nghĩa tiếng Việt	Câu ví dụ (Example)
leg	/leg/	chân (cả chân)	This is my leg.
foot / feet	/fʊt/ /fi:t/	bàn chân (số ít / số nhiều)	My foot is small. / I have two feet.
hair	/her/	tóc	My hair is black.

2. Bài hát: Head, Shoulders, Knees and Toes

Học từ vựng qua bài hát là một cách tuyệt vời để ghi nhớ. Bây giờ, chúng ta sẽ học bài hát "Head, Shoulders, Knees and Toes". Vừa hát, các em vừa dùng tay chỉ vào đúng bộ phận cơ thể được nhắc đến nhé!

Lời bài hát (Lyrics)

Đoạn 1:

- Head, shoulders, knees and toes, knees and toes.
- Head, shoulders, knees and toes, knees and toes.
- And eyes and ears and mouth and nose.
- Head, shoulders, knees and toes, knees and toes.

Hướng dẫn vận động:

1. Khi hát "Head", hãy đặt hai tay lên đầu.

2. Khi hát "shoulders", hãy đặt hai tay lên vai.
3. Khi hát "knees", hãy cúi xuống và chạm tay vào đầu gối.
4. Khi hát "toes", hãy cúi xuống và chạm tay vào ngón chân.
5. Tương tự với "eyes" (chỉ vào mắt), "ears" (chỉ vào tai), "mouth" (chỉ vào miệng), và "nose" (chỉ vào mũi).

Chúng ta có thể hát bài này với tốc độ khác nhau: lúc đầu hát chậm để nhớ, sau đó hát nhanh dần lên để thêm phần thử thách và vui nhộn!

3. Các cấu trúc câu đơn giản (Simple Sentences)

Sau khi đã biết tên các bộ phận cơ thể, chúng ta sẽ học cách đặt câu với chúng nhé.

a. Giới thiệu bộ phận cơ thể: This is my...

- **Cấu trúc:** This is my + [tên một bộ phận cơ thể số ít].
- **Giải thích:** Cấu trúc này dùng để giới thiệu một bộ phận nào đó trên cơ thể của mình. "My" có nghĩa là "của tôi".
- **Ví dụ:**
 1. This is my nose. (Đây là cái mũi của tôi.)
 2. This is my mouth. (Đây là cái miệng của tôi.)
 3. This is my head. (Đây là cái đầu của tôi.)

b. Nói về số lượng bộ phận cơ thể: I have...

- **Cấu trúc:** I have + [số đếm] + [tên bộ phận cơ thể số nhiều].

- **Giải thích:** Cấu trúc này dùng để nói rằng mình có bao nhiêu bộ phận cơ thể. "I have" có nghĩa là "Tôi có". Các em nhớ thêm 's' vào cuối từ để chỉ số nhiều nhé (ví dụ: eye -> eyes, ear -> ears).

- **Ví dụ:**

1. I have two eyes. (Tôi có hai con mắt.)
2. I have two ears. (Tôi có hai cái tai.)
3. I have ten fingers. (Tôi có mười ngón tay.)

c. Yêu cầu chạm vào bộ phận cơ thể: Touch your...

- **Cấu trúc:** Touch your + [tên một bộ phận cơ thể].

- **Giải thích:** Đây là một câu mệnh lệnh, dùng để yêu cầu bạn khác chạm vào một bộ phận cơ thể của họ. "Your" có nghĩa là "của bạn".

- **Ví dụ:**

1. Touch your head. (Hãy chạm vào đầu của bạn.)
2. Touch your shoulders. (Hãy chạm vào vai của bạn.)
3. Touch your nose. (Hãy chạm vào mũi của bạn.)

4. Hoạt động luyện tập (Practice Activities)

Để ghi nhớ bài học tốt hơn, chúng ta hãy cùng chơi một vài trò chơi nhé!

Hoạt động 1: Hát và làm theo (Sing and Do)

Cả lớp cùng đứng lên, hát bài "Head, Shoulders, Knees and Toes" và làm động tác theo lời bài hát. Chúng ta sẽ hát 3 lần: lần 1 chậm, lần 2 nhanh hơn, và lần 3 thật nhanh. Ai làm đúng và nhanh nhất sẽ là người chiến thắng!

Hoạt động 2: Trò chơi "Simon Says" (Simon nói)

- **Luật chơi:** Cô/thầy sẽ là "Simon". Khi cô/thầy nói "Simon says..." cộng với một mệnh lệnh (ví dụ: "Simon says touch your ears"), cả lớp sẽ làm theo. Nhưng nếu cô/thầy chỉ nói mệnh lệnh mà không có "Simon says" ở trước (ví dụ: "Touch your ears"), bạn nào làm theo sẽ bị loại khỏi vòng chơi. Người cuối cùng ở lại sẽ thắng cuộc.
- **Ví dụ các câu lệnh:**
 - Simon says touch your head.
 - Simon says clap your hands.
 - Touch your nose. (Không làm theo!)
 - Simon says point to your eyes.

Hoạt động 3: Vẽ người ngoài hành tinh (Draw an Alien)

- **Cách chơi:** Cô/thầy sẽ miêu tả một người ngoài hành tinh, và các em sẽ vẽ theo lời miêu tả đó.
- **Ví dụ miêu tả:** "Hello! I'm an alien. I have one big head. I have three eyes. I have one small nose and two mouths. I have four arms and six fingers on each hand."

- Sau khi vẽ xong, các em có thể khoe bức tranh của mình và giới thiệu về người ngoài hành tinh đó bằng tiếng Anh.

Bài học hôm nay thật vui phải không nào? Các em đã học được rất nhiều từ vựng về các bộ phận cơ thể và các mẫu câu hữu ích. Hãy thường xuyên hát bài "Head, Shoulders, Knees and Toes" và chơi các trò chơi với bạn bè để ôn lại bài nhé. Hẹn gặp lại các em trong bài học tiếp theo!